

Bản án số: 71/2025/DS-ST
Ngày: 25/9/2025.
Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Sơn Khánh;

2. Ông Trần Duy Hiếu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2025/QĐXXST-DS ngày 14/8/2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân huyện T. Trụ sở: Số I T, ấp F, xã T, An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền Ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1992; địa chỉ liên lạc: Số I T, ấp F, xã T, An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 03/3/2025). (có mặt)

* Bị đơn:

1. Ông Trương Văn T, sinh năm 1968; (vắng mặt)

2. Bà Lương Thị T1, sinh năm 1972; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ C, ấp C, xã T, An Giang; nơi ở hiện nay: ấp N, xã Ô, An

Giang.

Bà Lương Thị T1 ủy quyền cho ông Trương Văn T tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 13/5/2025)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Văn L, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp V, xã V, An Giang. (vắng mặt)

2. V (chi nhánh Tập đoàn C1). Địa chỉ liên lạc: Số B N, phường L, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3. Bà Trần Thị T2 (chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Trần Thị T2:

1. Ông Trương Văn T, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ C, Ấp C, xã T, An Giang; nơi ở hiện nay: ấp N, xã Ô, An Giang.

2. Ông Trương Văn Ê, sinh năm 1969; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ C, ấp A, xã B, An Giang.

3. Ông Trương Văn T3, sinh năm 1960; (vắng mặt khi xét xử - có mặt khi tuyên án)

4. Ông Trương Văn N, sinh nam 1966; (vắng mặt)

5. Ông Trương Văn N1, sinh năm 1981; (vắng mặt)

6. Bà Trương Thị Á, sinh năm 1975; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ C, ấp A, xã B, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn (do ông Nguyễn Văn Đ đại diện) có nội dung như sau: Ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 có thỏa thuận với Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn ký hợp đồng tín dụng số: 1038/2020/HĐTD ngày 10/10/2020, để vay số tiền là 360.000.000đ, lãi suất 0,9%/tháng (quá hạn bằng 150%), thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay là sản xuất nông nghiệp, hình thức trả vốn và lãi cuối kỳ; khi vay có thể chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà gắn liền tài sản trên đất số vào sổ: CH01390II cấp ngày 08/4/2010 mang tên Trần Thị T2 theo hợp đồng thế chấp số: 207/2019HĐTCCNK ngày 06/5/2019, để đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ (bao gồm cả gốc, lãi, phí và các khoản phải trả khác). Tuy nhiên, từ khi vay đến nay thời hạn thanh toán đã hết nhưng ông T, bà T1 không trả nợ đúng hạn đã ký kết theo hợp đồng và còn nợ lại số tiền vốn là 290.000.000đ và lãi trong hạn, quá hạn đến nay vẫn chưa thanh toán.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn yêu cầu ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 thanh toán số nợ vốn còn lại 290.000.000đ và lãi suất trong hạn, quá hạn đến nay theo bản kê tính lãi ngày 25/9/2025 tổng cộng là 217.342.000đ; tổng cộng vốn, lãi phải trả là 507.342.000đ. Ngoài ra, yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh quá hạn theo hợp đồng trên số nợ gốc 290.000.000đ đến khi thanh toán xong, nếu không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản bà Trần Thị T2 đã bảo lãnh thế chấp cho Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn.

** Bị đơn ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 (do ông Trương Văn T đại diện) trình bày:* Ông Trương Văn T thừa nhận vợ chồng có ký hợp đồng tín dụng số: 1038/2020/HĐTD ngày 10/10/2020 để vay số tiền 360.000.000đ, lãi suất và thời hạn vay, mục đích vay như phía đại diện Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn trình bày; tuy nhiên, do tình hình dịch Covid19 và công việc làm ăn khó khăn không trả vốn, lãi đúng hạn cho Quỹ tín dụng; năm 2024 đã khởi kiện ra Tòa án và ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 cam kết thực hiện trả vốn, lãi theo yêu cầu nhưng do quá khó khăn nên cũng không thực hiện được. Để bảo đảm khoản nợ vay cho ông T, bà T1 thì mẹ ruột là bà Trần Thị T2 có ký hợp đồng bảo lãnh và thế chấp toàn bộ tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà gắn liền tài sản trên đất số vào sổ: CH01390II cấp ngày 08/4/2010 mang tên Trần Thị T2 theo hợp đồng thế chấp số: 207/2019HĐTCCNK ngày 06/5/2019 (diện tích đất trồng lúa 14.276m²; tọa lạc tại xã B, tỉnh An Giang).

Nay Quỹ tín dụng nhân dân Tri T4 yêu cầu trả số nợ vốn còn lại 290.000.000đ, lãi suất trong hạn và quá hạn thì ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 cũng đồng ý; tuy nhiên, hiện tại chưa có khả năng thanh toán, xin phía Quỹ tín dụng nhân dân Tri T4 cho thời gian đến tháng 3/2026 sẽ thanh toán dứt điểm vốn, lãi. Tại phiên tòa, ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 đều vắng mặt không lý do.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn L, đại diện V; người kế quyền, nghĩa vụ của bà Trần Thị T2 là ông Trương Văn T3, ông Trương Văn N, bà Trương Thị Ê1, bà Trương Thị Á, ông Trương Văn N1 thì:* Tòa án đã nhiều lần gửi Thông báo đến địa chỉ nơi cư trú, nơi đặt trụ sở nhưng đều vắng mặt không lý do nên Tòa án đã thông qua Thừa phát L1 thực hiện các thủ tục tố tụng để mở phiên tòa xét xử theo quy định pháp luật; riêng đối với ông Trương Văn T tham gia tố tụng với tư cách vừa là bị đơn, vừa là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị T2. Tại phiên tòa, tất cả đều vắng mặt; riêng ông Trương Văn T3 có mặt khi xét xử nhưng có mặt khi tuyên án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - An Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị

đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; những đương sự khác không thực hiện nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn khởi kiện là có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 có trách nhiệm liên đới trả cho Q tín dụng nhân dân Tri Tôn vốn và lãi theo yêu cầu, tiếp tục phải trả lãi theo hợp đồng tín dụng từ ngày 26/9/2025 cho đến khi thanh toán xong; đồng thời, buộc bị đơn chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, mặc dù đều có mục đích lợi nhuận nhưng có một bên không đăng ký kinh doanh nên đây là tranh chấp dân sự; bị đơn ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 đang cư trú tại xã T của tỉnh An Giang; căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, bị đơn, những người liên quan và người thừa kế thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng đều vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[1.2] Người ký hợp đồng thế chấp chấp tài sản để bảo lãnh khoản vay cho bị đơn là bà Trần Thị T2 đã chết nên Tòa án đã đưa tất cả những người thừa kế hàng thứ nhất vào tham gia tố tụng với tư cách là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng; ngoài ra, trên đất đã thế chấp cho Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn có một căn nhà của anh Lê Văn L và một Trạm thu phát sóng của V nên cần đưa vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hợp đồng tín dụng số: 1038/2020/HĐTD ngày 10/10/2020, được ký giữa Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn (gọi tắt là Quỹ tín dụng T) với ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 có nội dung: “Ông T, bà T1 vay của Quỹ tín dụng Tri Tôn số tiền 360.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0,9%/tháng, mục đích vay là để canh tác sản xuất lúa; ngoài ra, còn có những cam kết khác nếu không thực hiện đúng hợp đồng”. Xét hợp đồng đã được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 94 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có giá trị pháp lý buộc các bên phải thực hiện; phía đại diện Quỹ tín dụng Tri Tôn

xác định ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 đã vi phạm hợp đồng đến nay đã quá hạn thanh toán, số tiền nợ vốn vẫn chưa thanh toán là 290.000.000đ; trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải thì ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 đều thừa nhận có vay số vốn như trên và đến nay còn nợ lại như phía Quỹ tín dụng Tri T4 trình bày. Căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) việc nguyên đơn yêu cầu ông T, bà T1 trả số vốn còn nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất trong hạn, quá hạn phát sinh theo hợp đồng đến nay theo bảng chiết tính ngày 25/9/2025 tổng cộng 217.342.000đ; ngoài ra, yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc 290.000.000đ đến khi thanh toán xong số nợ. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng”. Trong trường hợp này, giữa Quỹ tín dụng Tri T4 và ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 thỏa thuận lãi suất 0,9%/tháng (quá hạn 150%) nên phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ lãi suất theo bảng chiết tính ngày 25/9/2025 là phù hợp nên được chấp nhận; đồng thời, buộc ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo hợp đồng đối với số vốn gốc 290.000.000đ đến khi thanh toán xong.

[4] Xét hợp đồng thế chấp tài sản:

[4.1] Hợp đồng thế chấp số: 207/2019HĐTCCNK ngày 06/5/2019 được ký kết giữa Quỹ tín dụng Tri Tôn với bà Trần Thị T2 có nội dung: “Bà Trần Thị T2 đồng ý thế chấp toàn bộ tài sản, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CH01390II cấp ngày 08/4/2010 mang tên Trần Thị T2 (diện tích đất trồng lúa 14.276m²; đất tọa lạc tại xã B, An Giang), để đảm bảo số tiền đã vay vốn, lãi và các khoản phí theo hợp đồng tín dụng đã ký kết”. Về nội dung, hình thức của hợp đồng đã được công chứng, đăng ký thế chấp, đã tuân thủ đúng theo các quy định tại Điều 317, Điều 319 của Bộ luật Dân sự 2015 và đến thời điểm này không bên nào có tranh chấp về các điều khoản trong hợp đồng và đồng thời không có bên thứ ba tranh chấp, khiếu nại. Do đó, hợp đồng thế chấp số: 207/2019HĐTCCNK ngày 06/5/2019 có giá trị pháp lý và sẽ được ưu tiên đảm bảo cho khoản nợ đã được thỏa thuận thế chấp trong hợp đồng.

[4.2] Tuy nhiên, bà Trần Thị T2 ký hợp đồng thế chấp để bảo lãnh số nợ cho ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 trong trường hợp ông T, bà T1 không còn khả năng thanh toán nợ. Do đó, chỉ khi nào ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 không còn tài sản nào khác để kê biên phát mãi thanh toán nợ cho Quỹ tín dụng Tri Tôn thì tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: 207/2019HĐTCCNK ngày 06/5/2019 sẽ được ưu tiên phát mãi để thi hành án.

[4.3] Trên diện tích đất do bà Trần Thị T2 thế chấp cho Quỹ tín dụng Tri Tôn có tồn tại 02 loại tài sản, gồm: Căn nhà của anh Lê Văn L và Trạm thu phát sóng V, đây là tài sản không thuộc quyền sở hữu của bà Trần Thị T2, đồng thời cũng không phải là đối tượng trong hợp đồng thế chấp số: 207/2019HĐTCCNK ngày 06/5/2019. Vì vậy, trong trường hợp có phát mãi diện tích đất gắn liền với 02 loại tài sản này thì cần định giá trị tài sản để hoàn trả lại cho chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu 02 loại tài sản này được quyền ưu tiên mua hoặc thuê lại diện tích đất gắn liền tài sản.

[5] Về án phí, lệ phí sơ thẩm: Do bị buộc trả nợ cho Quỹ tín dụng Tri Tôn nên ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 phải chịu án phí và **chi phí thẩm định tài sản tranh chấp** theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 179, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 94, khoản 2 Điều 95 của luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 317, Điều 319 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn (do ông Nguyễn Văn Đ đại diện). Buộc ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 (do ông Trương Văn T đại diện) trả cho Q tín dụng nhân dân Tri Tôn số tiền vốn là 290.000.000đ, số tiền lãi là 217.342.000đ; tổng cộng vốn, lãi phải trả là 507.342.000đ (Năm trăm lẻ bảy triệu ba trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

- Ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 tiếp tục phải trả lãi trên nợ gốc 290.000.000đ cho Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn, theo mức lãi suất quá hạn theo hợp đồng, kể từ ngày 26/9/2025 đến ngày thực hiện nghĩa vụ trả nợ xong.

- Trong trường hợp ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 không thực hiện thanh toán vốn, lãi hoặc thanh toán không đầy đủ thì Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật theo hợp đồng thế chấp số: 207/2019HĐTCCNK ngày 06/5/2019 (Trừ trường hợp ông T, bà T1 không còn tài sản nào khác).

* Về án phí, lệ phí sơ thẩm:

- Ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 24.293.000đ (Hai mươi bốn triệu hai trăm chín mươi ba ngàn đồng).

- Quỹ tín dụng nhân dân Tri T4 không phải chịu án phí nên được hoàn lại 12.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu tạm ứng án phí số 0020008 ngày 10/3/2025 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 - An Giang).

- Buộc ông Trương Văn T, bà Lương Thị Tuyết C chi phí thẩm định tại chỗ 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng); do đại diện nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước nên ông Trương Văn T, bà Lương Thị T1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn số tiền 600.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 14-An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hoàng Huy Hùng

